TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THUẬN HÓA** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **65**/2025/QĐST-HNGĐ	*Thuận H, ngày 10 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THUẬN HÓA, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 62/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Hoàng Trọng Minh T, sinh năm 2002. Địa chỉ: 01/16/28 Huyền Trân Công C, phường Thủy B, quận Thuận H, thành phố Huế.

- Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 2000. Địa chỉ: Thôn Nghĩa D, xã Sa N, huyện Sa T, tỉnh KonTum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Trọng Minh T và chị Nguyễn Thị Th đăng ký kết hôn vào ngày 21/4/2023, tại Ủy ban nhân dân phường Thủy B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) trên cơ sở tự nguyện, thời điểm đăng ký kết hôn có đủ điều kiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Th là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung phát sinh những vấn đề mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và những vấn đề khác không thể hòa giải được. Đến nay, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa vợ chồng anh T và chị Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị Th là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[2] Về con chung: Anh Hoàng Trọng Minh T và chị Nguyễn Thị Th công nhận vợ chồng có 01 người con chung tên là Hoàng Minh N, sinh ngày 20/10/2023. Anh T và chị Th thỏa thuận sau khi ly hôn, giao cháu Hoàng Minh N cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; anh Hoàng Trọng Minh T cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Minh N là 3.000.000đồng/tháng, kể từ khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hoàng Minh N đủ 18 tuổi.

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Anh Hoàng Trọng Minh T và chị Nguyễn Thị Th đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Trọng Minh T và chị Nguyễn Thị Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Minh N, sinh ngày 20/10/2023 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; anh Hoàng Trọng Minh T cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Minh N là 3.000.000đồng/tháng, kể từ khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hoàng Minh N đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Trọng Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung: Anh Hoàng Trọng Minh T và chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Anh Hoàng Trọng Minh T và chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Hoàng Trọng Minh T và chị Nguyễn Thị Th mỗi người chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000660 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thuận H,

thành phố Huế. Anh Hoàng Trọng Minh T và chị Nguyễn Thị Th đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND quận Thuận Hóa;
- Chi cục THADS quận Thuận H;
- UBND phường Thủy B;
(Đăng ký kết hôn số 22 ngày 21/4/2023);
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Lưu văn thư.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Hiếu